

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-ST
Ngày 02-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Thoa

Ông Lê Văn Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 283/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST- DS, ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã TĐ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2021), có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1978, có mặt;

Anh Đặng Quốc B, sinh năm 1978, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã ĐK, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13-10-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Từ năm 2015, ông Trần Thanh H và vợ chồng chị Trần Thị Thanh T, Anh Đặng Quốc B mua bán ớt với nhau. Quá trình mua bán, vợ chồng chị T, anh B còn nợ ông H số tiền gốc 611.600.000 đồng và chị T có ký giấy nợ còn nợ ông H số tiền trên. Việc mua bán ớt là nguồn thu nhập chính để vợ chồng chị T, anh B trang trải cuộc sống và nuôi con, khi đi giao dịch mua bán ớt thì vợ chồng chị T, anh B đi cùng nhau, vì mua bán trong thời gian dài nên ông H tin tưởng vợ chồng chị T nên chỉ để mình chị T ký tên trong giấy nợ. Ngày 25-6-2020, vợ chồng chị T đã trả cho anh H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 20-6-2021, tiếp tục trả cho ông H số

tiền 7.000.000 đồng, đến nay vợ chồng chị T, anh B còn nợ số tiền gốc 594.600.000 đồng.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Thanh T, Anh Đặng Quốc B trả cho ông số tiền 594.600.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 04-5-2022, ông H có đơn đề nghị không yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên.

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

Từ năm 2005, chị mua ớt từ ông H để bán lại cho người khác. Tuy nhiên, ông H giao ớt cho chị là ớt đông lạnh bị mềm nên chị không bán được dẫn đến việc chị nợ ông H số tiền trên. Giấy nợ ngày 07-12-2019 là do chị viết và ký tên. Chồng chị là anh B không liên quan đến việc mua bán này, việc mua bán của anh B ở ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi là làm cho mẹ chồng chị.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 594.600.000 đồng thì chị đồng ý trả và xin trả dần 20.000.000 đồng/năm, không đồng ý trả lãi vì số nợ không ghi trả lãi. Chồng chị là anh B không liên quan đến việc mua bán này nên không có trách nhiệm cùng chị trả số tiền trên.

Bị đơn – Anh Đặng Quốc B: Quá trình giải quyết vụ án anh B đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán buộc vợ chồng chị Trần Thị Thanh T và Anh Đặng Quốc B trả cho ông Trần Thanh H số tiền nợ gốc 594.600.000 đồng. Ghi nhận ông H không yêu cầu trả lãi của số tiền nợ trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Quốc B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Thanh T và Anh Đặng Quốc B trả số tiền gốc là 594.600.000 đồng thì thấy rằng quá trình giải quyết vụ án ông H xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 sổ theo dõi nợ của chị T, ngày 07-12-2019, chị T ký nhận nợ trong sổ nợ trên. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận chị có mua ớt của ông H, còn nợ số tiền gốc 594.600.000 đồng và chữ ký, chữ viết trong sổ nợ ngày

07-12-2019 là của chị nên có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Ngày 04-5-2022, ông H có đơn không yêu cầu vợ chồng chị T, anh B trả số tiền lãi của khoản tiền nợ gốc ông 594.600.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B không có văn bản trình bày về khoản nợ gốc 594.600.000 đồng, chị T cho rằng khoản nợ trên không liên quan đến anh B vì anh B không ký giấy nợ và không biết việc mua bán nên anh B không có trách nhiệm cùng chị trả khoản nợ trên này. Xét thấy, việc mua bán giữa ông H và chị T diễn ra trong thời gian dài, qua xác minh anh B, chị T mua bán ớt tại nhà là nguồn thu nhập chính của anh, chị nên cần buộc anh B có trách nhiệm cùng chị T trả số tiền trên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình

Đối với yêu cầu của chị T xin trả dần số tiền nợ gốc trên thì thấy rằng yêu cầu trả dần của chị T không được ông H chấp nhận nên hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chị T, anh B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 440 và 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với chị Trần Thị Thanh T và Anh Đặng Quốc B.

Buộc chị Trần Thị Thanh T, Anh Đặng Quốc B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh H số tiền gốc 594.600.000 đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng. Ghi nhận ông H không yêu cầu chị T, anh B trả lãi của số tiền nợ gốc trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T và Anh Đặng Quốc B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 27.784.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Ông Trần Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.892.000 đồng (Mười

ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016920 ngày 12-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đặt niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

